**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: VỊ NGỮ (1Tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

*1. Năng lực đặc thù:*

- Hiểu được ý nghĩa và đặc điểm của vị ngữ; xác định được vị ngữ trong câu cho trước. Đặt được câu theo yêu cầu, tìm được vị ngữ trong câu đã đặt.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Sử dụng vị ngữ trong nói và viết.

*2. Năng lực chung.*

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu vị ngữ, vận dụng những điều đã học để đặt câu đúng cấu tạo và có ý nghĩa.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

*3. Phẩm chất.*

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| 1. Khởi động:  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi gây hứng thú vào tiết học  - GV cùng trao đổi với HS về nội dung trong trò chơi:  - Tìm chủ ngữ trong các câu sau?  a. Mấy hôm nay, Chi đang rất bối rối.  b. Rai-ân là một cậu bé người Ca-na-đa.  c. Cô bé chạy thoắt về nhà gọi anh.  - GV nhẫn xét, khen ngợi HS.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  a. Chi  b. Rai-ân  c. Cô bé  - HS lắng nghe. |
| 2. Khám phá.  - Mục tiêu:  + Hiểu được ý nghĩa và đặc điểm của vị ngữ.  + Xác định được vị ngữ trong câu cho trước.  - Cách tiến hành: | |
| Hoạt động 1: Nhận xét. (Sinh hoạt nhóm 2).  Bài 1: Tìm hiểu ý nghĩa của vị ngữ.  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - Cả lớp sinh hoạt nhóm 2, cùng đọc thầm bài, thảo luận và trả lời câu hỏi: “Bộ phận in đậm trong mỗi câu sau được dùng để làm gì?”  a) Mấy hôm nay, Chi đang rất bối rối.  b) Rai-ân là một cậu bé người Ca-na-đa.  c) Cô bé chạy thoắt về nhà gọi anh.  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét kết luận và tuyên dương.  Bài 2. Tìm hiểu dấu hiệu nhận biết vị ngữ  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - Cả lớp hoạt động cá nhân, cùng thảo luận và trả lời câu hỏi: Mỗi bộ phận in đậm trả lời cho câu hỏi nào?    - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét kết luận và tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - Cả lớp cùng đọc thầm bài và thảo luận trả lời câu hỏi:  a) Miêu tả đặc điểm, trạng thái của sự vật được nêu ở chủ ngữ.  b) Giới thiệu, nhận xét về sự vật được nêu ở chủ ngữ.  c) Kể hoạt động của sự vật được nêu ở chủ ngữ.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - Cả lớp hoạt động cá nhân cùng đọc thầm, thảo luận bài và trả lời câu hỏi:  a) Bộ phận in đậm trả lời cho CH *Thế nào?*  b) Bộ phận in đậm trả lời cho CH *Là ai?*  c) Bộ phận in đậm trả lời cho CH *Làm gì?*  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| Hoạt động 2: Rút ra bài học (làm việc cung cả lớp)  - GV nêu câu hỏi để dẫn dắt HS đưa ra định nghĩa về vị ngữ.  + Các từ chúng ta vừa tìm được ở bài tập 1 và 2 được gọi là vị ngữ.  + Vậy các em cho cô biết vị ngữ là gì? - GV nhận xét, tuyên dương và rút ra ghi nhớ:  *Vị ngữ là thành phần chính của câu, dùng để:*  *a) Giới thiệu, nhận xét về sự vật được nêu ở chủ ngữ (trả lời câu hỏi Là gì?)*  *b) kể hoạt động của sự vật được nêu ở chủ ngữ ( trả lời câu hỏi Làm gì?)*  *c) Miêu tả đặc điểm, trạng thái của sự vật được nêu ở chủ ngữ (trả lời câu hỏi Thế nào?)* | - Hs lắng nghe câu hỏi.  - Một số HS trả lời theo hiếu biết của mình.  - 2-3 HS nhắc lại ghi nhớ, cả lớp đọc thầm theo. |
| 3. Luyện tập.  - Mục tiêu:  + Xác định được vị ngữ trong câu cho trước.  + Đặt được câu theo yêu cầu, tìm được vị ngữ trong câu đã đặt.  - Cách tiến hành: | |
| Bài tập 1 Tìm vị ngữ của mỗi câu trong đoạn văn (Sinh hoạt nhóm 4)  - GV mời HS đọc yêu cầu của bài 1.  - GV mời HS làm việc theo nhóm 4: cùng nhau đọc yêu cầu bài, thảo luận và tìm vị ngữ trong câu sau:  Chàng trai lên xe buýt và ngồi cạnh bà cụ đi chân đất. Cậu nhìn từ chân bà cụ sang chân mình. Đôi giày của cậu mới tinh. Cậu đã tiết kiệm tiền tiêu vặt khá lâu mới mua được. Nhưng rồi cậu cúi xuống, cởi giày và ngồi xuống sàn xe. Cậu nhấc bàn chân lạnh cóng của bà cụ lên, xỏ tất và giày vào chân bà. Bà cụ sững người, khẽ nói lời cảm ơn (Theo sách *Truyện kể về những trái tim nhân hậu*)  - GV mời các nhóm trình bày.  - GV mời các nhóm nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương và chú ý: HS chỉ cần tìm được bộ phận câu trả lời cho 1 trong các câu hỏi *Là gì? Làm gì? Thế nào?;* bộ phận đó là vị ngữ.  + Vị ngữ có thể là 1 từ (VD: Đôi giày của cậu mới tinh)  + Nhưng vị ngữ thường là 1 cụm từ (VD: Cậu nhìn từ chân bà cụ sang chân mình) hoặc 2 cụm từ nối với nhau (VD: Chàng trai lên xe buýt và ngồi cạnh bà cụ đi chân đất). | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.  - Các nhóm tiến hành thảo luận và và tìm danh từ trong câu sau:  + Chàng trai lên xe buýt và ngồi cạnh bà cụ đi chân đất. Cậu nhìn từ chân bà cụ sang chân mình. Đôi giày của cậu mới tinh. Cậu đã tiết kiệm tiền tiêu vặt khá lâu mới mua được. Nhưng rồi cậu cúi xuống, cởi giày và ngồi xuống sàn xe. Cậu nhấc bàn chân lạnh cóng của bà cụ lên, xỏ tất và giày vào chân bà. Bà cụ sững người, khẽ nói lời cảm ơn.  - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Các nhóm khác nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| Bài tập 2: Đặt một câu nói về lòng nhân ái. Xác định vị ngữ của câu đó (làm việc cá nhân)  - GV mời HS đọc yêu cầu của bài 2.  - GV mời HS làm việc cá nhân, viết vào vở Đặt một câu nói về lòng nhân ái. Xác định vị ngữ của câu đó.  - GV thu vở chấm một số bài, nhận xét, sửa sai và tuyên dương học sinh.  - GV nhận xét, tuyên dương chung. | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.  + HS làm bài vào vở.  VD: Em dắt một bà cụ qua đường.  Vị ngữ: Em dắt một bà cụ qua đường.  + HS nộp vở để GV chấm bài, đánh giá.  + HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| 4. Vận dụng trải nghiệm.  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.  + GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó có chủ ngữ, vị ngữ để lẫn lộn trong hộp.  + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)  + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là vị ngữ có trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.  - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |